UBND TỈNH HƯNG YÊN
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Số: 125 /KH-SNNMT

Hưng Yên, ngày 15 tháng 10 năm 2026

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về đổi mới mô hình phát triển Việt Nam, Chương trình hành động số 33-CTr/TW ngày 28/7/2026 của Bộ Chính trị và Kế hoạch số 115-KH/TU ngày 27/9/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hưng Yên

Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về đổi mới mô hình phát triển Việt Nam; Chương trình hành động số 33-CTr/TW ngày 28/7/2026 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 217/NQ-CP ngày 06/8/2026 của Chính phủ; Kế hoạch số 115-KH/TU ngày 27/9/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hưng Yên về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW và Chương trình hành động số 33-CTr/TW; Công văn số 6684/UBND-TH ngày 02/10/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai Kế hoạch số 115-KH/TU, Sở Nông nghiệp và Môi trường ban hành Kế hoạch thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Quán triệt, cụ thể hóa đầy đủ, kịp thời các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết số 19-NQ/TW, Chương trình hành động số 33-CTr/TW, Nghị quyết số 217/NQ-CP và Kế hoạch số 115-KH/TU thành các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Tạo chuyển biến thực chất trong đổi mới mô hình phát triển ngành nông nghiệp và môi trường theo hướng sinh thái, xanh, tuần hoàn, công nghệ cao, hiệu quả, tự chủ, thích ứng với biến đổi khí hậu, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên; lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và dữ liệu làm nền tảng.

Góp phần thực hiện các mục tiêu của tỉnh về tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững; nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng của sản xuất nông nghiệp; phát triển kinh tế biển, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; bảo vệ môi trường; chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân.

Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đất đai, tài nguyên nước, môi trường, khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu, nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi, phòng chống thiên tai; chuyển mạnh từ phương thức quản lý hành chính sang quản trị dựa trên dữ liệu, công nghệ và kết quả thực hiện.

2. Yêu cầu

Các nhiệm vụ phải bám sát chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở; có trọng tâm, trọng điểm, xác định rõ đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp, tiến độ, sản phẩm đầu ra và nguồn lực thực hiện.

Bảo đảm đồng bộ giữa các lĩnh vực nông nghiệp, tài nguyên và môi trường; gắn đổi mới mô hình phát triển với cơ cấu lại ngành nông nghiệp, xây dựng nông thôn hiện đại, quản lý và sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Lồng ghép các nhiệm vụ của Kế hoạch này vào chương trình công tác hằng năm, kế hoạch đầu tư công, kế hoạch phát triển ngành và các chương trình, đề án, dự án có liên quan; tránh trùng lặp, hình thức, dàn trải.

Người đứng đầu các đơn vị thuộc Sở chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao; định kỳ kiểm tra, đánh giá tiến độ, kịp thời đề xuất xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Đến năm 2030, hình thành cơ bản các nền tảng để đổi mới mô hình phát triển ngành nông nghiệp và môi trường của tỉnh theo hướng xanh, sinh thái, tuần hoàn, hiện đại, thông minh, hiệu quả và thích ứng**,** trong đó tài nguyên được quản trị hiệu quả, môi trường được bảo vệ, sản xuất nông nghiệp có giá trị gia tăng cao, hạ tầng dữ liệu ngành được kết nối và khai thác hiệu quả, năng lực phòng chống thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu được nâng cao.

Đến năm 2035, cơ bản hoàn thành chuyển đổi sang mô hình nông nghiệp sinh thái, công nghệ cao, tuần hoàn, phát thải thấp; quản trị tài nguyên, môi trường dựa trên dữ liệu và công nghệ số; hệ sinh thái kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn được hình thành và phát triển.

Đến năm 2045, xây dựng ngành nông nghiệp và môi trường hiện đại, xanh, thông minh, có năng lực cạnh tranh cao; tài nguyên được sử dụng hiệu quả, môi trường được bảo đảm an toàn; nông nghiệp công nghệ cao, kinh tế biển, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn trở thành những bộ phận quan trọng của mô hình phát triển mới của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng, hiệu quả và sức cạnh tranh; phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn và nông nghiệp phát thải thấp.

Hình thành, phát triển các vùng sản xuất hàng hóa tập trung gắn với chế biến sâu, bảo quản, logistics, xây dựng thương hiệu và thị trường tiêu thụ; nâng cao khả năng tham gia chuỗi giá trị trong nước và quốc tế.

Phát triển kinh tế biển, nuôi trồng và khai thác thủy sản theo hướng hiệu quả, bền vững; bảo vệ tài nguyên, môi trường và hệ sinh thái ven biển.

Hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai, tài nguyên, môi trường và các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý; tăng cường kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu phục vụ quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công.

Nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng đất; tháo gỡ các điểm nghẽn về đất đai phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy hoạch, đúng pháp luật.

Kiểm soát hiệu quả ô nhiễm môi trường tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, khu dân cư, khu vực sản xuất nông nghiệp; tăng cường phân loại, thu gom, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải.

Thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn, sản xuất sạch hơn, sử dụng tiết kiệm tài nguyên và năng lượng; từng bước hình thành các mô hình sản xuất nông nghiệp tuần hoàn, tái sử dụng phụ phẩm nông nghiệp.

Chủ động phòng, chống thiên tai, chống ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn và các tác động của biến đổi khí hậu; nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo sớm và khả năng chống chịu của cộng đồng.

Từng bước xây dựng nền tảng quản trị tài nguyên và môi trường trên cơ sở dữ liệu số, bản đồ số, quan trắc và công nghệ hiện đại; đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong phân tích, dự báo, giám sát và hỗ trợ ra quyết định.

Góp phần thực hiện các chỉ tiêu tại Phụ lục Kế hoạch số 115-KH/TU thuộc nhóm môi trường, biến đổi khí hậu, năng lượng tái tạo, khu công nghiệp sinh thái, thị trường các-bon, phát triển dân số nông thôn, nông nghiệp và các chỉ tiêu kinh tế - xã hội có liên quan.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Đổi mới công tác quản lý nhà nước, hoàn thiện thể chế, chính sách về nông nghiệp và môi trường

Rà soát toàn bộ cơ chế, chính sách, quy định thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường để kịp thời đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới theo hướng đơn giản hóa thủ tục, phân cấp, phân quyền, công khai, minh bạch, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.

Rà soát các điểm nghẽn về đất đai, giải phóng mặt bằng, môi trường, tài nguyên nước, thủy lợi, nông nghiệp, thủy sản; đề xuất cấp có thẩm quyền giải pháp tháo gỡ, nhất là các vấn đề ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ các dự án động lực của tỉnh.

Rà soát, hoàn thiện các cơ chế hỗ trợ phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp tuần hoàn, sản xuất hàng hóa tập trung, liên kết chuỗi giá trị và phát triển sản phẩm chủ lực của tỉnh.

Nâng cao chất lượng tham mưu về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; bảo đảm đồng bộ giữa quy hoạch sử dụng đất với quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị, quy hoạch khu công nghiệp, hạ tầng giao thông và các không gian phát triển mới.

Sản phẩm: Báo cáo rà soát và đề xuất hoàn thiện cơ chế, chính sách; các dự thảo nghị quyết, quyết định, đề án, kế hoạch theo thẩm quyền.

Thời gian**:** Thực hiện thường xuyên.

2. Phát triển nông nghiệp theo hướng sinh thái, công nghệ cao, tuần hoàn và giá trị gia tăng cao

Cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp theo lợi thế từng vùng; phát triển các vùng sản xuất tập trung, chuyên canh gắn với tiêu chuẩn chất lượng, truy xuất nguồn gốc, chế biến, bảo quản và tiêu thụ.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao, tự động hóa, Internet vạn vật, trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học và công nghệ số trong sản xuất, quản lý vùng trồng, vùng nuôi, dự báo sâu bệnh, truy xuất nguồn gốc và tiêu thụ nông sản.

Phát triển các mô hình nông nghiệp tuần hoàn, sử dụng phụ phẩm nông nghiệp làm nguyên liệu sản xuất phân bón, thức ăn chăn nuôi, năng lượng sinh khối và các sản phẩm có giá trị gia tăng.

Khuyến khích phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái, sản xuất nông nghiệp giảm phát thải; từng bước xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất có khả năng đo lường, kiểm kê và giảm phát thải khí nhà kính.

Phát triển kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn hiện đại; nâng cao thu nhập, chất lượng đời sống và khả năng tiếp cận dịch vụ cơ bản của người dân nông thôn.

Tăng cường liên kết giữa Nhà nước, doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở nghiên cứu và người sản xuất; thu hút doanh nghiệp đầu tư vào chế biến sâu, bảo quản và logistics nông sản.

Sản phẩm: Các đề án, mô hình, vùng sản xuất tập trung, chuỗi liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ; cơ sở dữ liệu và hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản.

Thời gian: 2026-2030, định hướng đến 2035 và 2045.

3. Quản lý đất đai hiệu quả, tạo nguồn lực cho phát triển

Hoàn thiện, cập nhật và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu đất đai; đẩy mạnh số hóa hồ sơ địa chính, bản đồ và thông tin đất đai.

Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; bảo đảm sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích, phù hợp định hướng phát triển của tỉnh.

Tập trung tham mưu tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quản lý, sử dụng đất, nhất là đất thực hiện các dự án phát triển công nghiệp, đô thị, hạ tầng, nông nghiệp công nghệ cao và các công trình trọng điểm.

Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả khai thác nguồn lực đất đai, bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, người dân và doanh nghiệp.

Sản phẩm: Cơ sở dữ liệu đất đai; hồ sơ, phương án, kế hoạch sử dụng đất; báo cáo xử lý các điểm nghẽn về đất đai.

4. Quản lý, bảo vệ và sử dụng bền vững tài nguyên nước, tài nguyên thiên nhiên

Tăng cường điều tra, đánh giá, kiểm kê tài nguyên nước; quản lý, bảo vệ, khai thác và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, bền vững tài nguyên nước; chủ động điều hòa, phân phối nguồn nước, bảo đảm an ninh nguồn nước, ưu tiên nước cho sinh hoạt, các nhu cầu thiết yếu. Tăng cường quản lý, kiểm soát hoạt động khai thác, sử dụng nước mặt, nước dưới đất và xả nước thải vào nguồn nước; thực hiện các biện pháp bảo vệ nguồn nước, vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt xử lý kịp thời các hành vi vi phạm theo quy định.

Duy trì, cập nhật dữ liệu và thông tin quan trắc tài nguyên nước thuộc phạm vi quản lý; tăng cường cảnh báo nguy cơ ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước; tham mưu phương án ứng phó với tình trạng thiếu nước và các tình huống phát sinh.

Sản phẩm: Báo cáo điều tra, đánh giá, kiểm kê tài nguyên nước; cơ sở dữ liệu được cập nhật; báo cáo quan trắc; phương án, kế hoạch quản lý, bảo vệ và sử dụng tài nguyên nước.

5. Bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn

Tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, khu dân cư và các cơ sở sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm cao.

Đẩy mạnh quan trắc môi trường tự động, liên tục đối với các nguồn thải lớn; kết nối, tích hợp dữ liệu quan trắc phục vụ giám sát và quản lý.

Xây dựng và nhân rộng các mô hình kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp, công nghiệp chế biến nông sản và khu vực nông thôn.Tham mưu thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến giảm phát thải khí nhà kính, kiểm kê khí nhà kính, thị trường các-bon. Phối hợp với các cơ quan liên quan huy động nguồn lực xã hội cho các dự án xử lý ô nhiễm, phục hồi môi trường, phát triển hạ tầng môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Sản phẩm: Các chương trình, đề án, mô hình kinh tế tuần hoàn; giảm phát thải và thị trường các-bon.

6. Chủ động phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu

Rà soát, cập nhật phương án phòng, chống thiên tai theo cấp độ rủi ro; nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai.

Đầu tư, nâng cấp và vận hành hiệu quả hệ thống thủy lợi, đê điều, tiêu thoát nước, phòng chống ngập úng; ưu tiên các khu vực có nguy cơ cao.

Từng bước xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu, bản đồ rủi ro thiên tai và các khu vực dễ bị tổn thương; ứng dụng công nghệ số, viễn thám, GIS và AI trong dự báo, cảnh báo và quản lý rủi ro.

Rà soát các khu vực có nguy cơ cao xảy ra thiên tai; tham mưu phương án bảo đảm an toàn tính mạng, tài sản của Nhân dân, từng bước di dời các hộ dân ở khu vực có nguy cơ đặc biệt cao theo quy định.

Sản phẩm: Phương án phòng chống thiên tai; bản đồ rủi ro; hệ thống cảnh báo; dự án nâng cấp hạ tầng phòng chống thiên tai; các mô hình thích ứng biến đổi khí hậu.

7. Phát triển kinh tế biển gắn với bảo vệ tài nguyên, môi trường biển

Phối hợp tham mưu triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế biển theo Quy hoạch tỉnh và định hướng phát triển trung tâm kinh tế biển của tỉnh.

Phát triển nuôi trồng thủy sản, khai thác thủy sản và các hoạt động kinh tế biển theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững, bảo vệ hệ sinh thái.

Tăng cường quản lý, bảo vệ tài nguyên, môi trường biển và ven biển; kiểm soát nguồn gây ô nhiễm từ đất liền và các hoạt động kinh tế.

Nghiên cứu phát triển các mô hình kinh tế biển xanh, kinh tế tuần hoàn và sử dụng bền vững tài nguyên biển.

8. Đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển hạ tầng dữ liệu ngành

Hoàn thiện cơ sở dữ liệu dùng chung về đất đai, tài nguyên nước, môi trường và các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý.

Kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với các cơ sở dữ liệu của tỉnh và các hệ thống thông tin quốc gia theo quy định.

Xây dựng hệ thống giám sát, phân tích và hỗ trợ ra quyết định dựa trên dữ liệu; từng bước chuyển từ quản lý hồ sơ sang quản trị dựa trên dữ liệu.

Nâng cao năng lực số của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; xây dựng văn hóa sử dụng dữ liệu trong chỉ đạo, điều hành.

Sản phẩm: Cơ sở dữ liệu ngành; nền tảng số; bản đồ số chuyên ngành; hệ thống giám sát, cảnh báo và các ứng dụng hỗ trợ quản lý.

9. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và nguồn nhân lực ngành

Rà soát, xây dựng danh mục các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ưu tiên trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, tập trung vào công nghệ cao, giống, công nghệ sinh học, nông nghiệp chính xác, kinh tế tuần hoàn, xử lý chất thải, quan trắc môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu.

Tăng cường hợp tác với các viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp công nghệ để chuyển giao và ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn; đồng thời đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ có năng lực về dữ liệu, công nghệ số, GIS, viễn thám, AI, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kiểm kê khí nhà kính và thị trường các-bon.

Thu hút chuyên gia, nhà khoa học, doanh nghiệp công nghệ tham gia giải quyết các vấn đề lớn, phức tạp của ngành.

10. Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực

Rà soát nhu cầu vốn thực hiện các chương trình, đề án, dự án thuộc Kế hoạch; xác định thứ tự ưu tiên, bảo đảm tập trung nguồn lực cho các nhiệm vụ có tác động lan tỏa.

Chủ động đề xuất bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước theo quy định; đồng thời huy động nguồn lực xã hội, nguồn vốn doanh nghiệp và các nguồn hợp pháp khác.

Ưu tiên nguồn lực cho cơ sở dữ liệu, chuyển đổi số, hạ tầng môi trường, phòng chống thiên tai, thủy lợi, phát triển nông nghiệp công nghệ cao và các dự án có khả năng tạo động lực phát triển xanh.

IV. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM GIAI ĐOẠN 2026-2030

1. Trong năm 2026

Tổ chức quán triệt, phổ biến Nghị quyết số 19-NQ/TW, Chương trình hành động số 33-CTr/TW, Nghị quyết số 217/NQ-CP và Kế hoạch số 115-KH/TU đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong ngành.

Rà soát toàn bộ chương trình, kế hoạch, đề án, dự án của ngành để xác định các nhiệm vụ cần điều chỉnh, bổ sung nhằm phù hợp với yêu cầu đổi mới mô hình phát triển.

Tổng hợp, đề xuất các cơ chế, chính sách thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường cần ban hành, sửa đổi, bổ sung.

Xây dựng danh mục các nhiệm vụ, dự án trọng điểm giai đoạn 2026-2030.

Rà soát hiện trạng cơ sở dữ liệu của ngành, xác định các cơ sở dữ liệu cần ưu tiên hoàn thiện, kết nối và chia sẻ.

2. Giai đoạn 2027-2030

Tập trung thực hiện các nhiệm vụ tạo nền tảng cho mô hình phát triển mới, gồm:

Xây dựng và nhân rộng các mô hình, dự án có tính đổi mới, có khả năng tạo tác động lan tỏa. Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu và quản trị số ngành nông nghiệp và môi trường.

Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp công nghệ cao, sinh thái, tuần hoàn và phát thải thấp.

Rà soát, nghiên cứu, đề xuất, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên nước.

Nâng cao năng lực kiểm soát ô nhiễm, quản lý chất thải và phát triển kinh tế tuần hoàn.

Tăng cường năng lực phòng chống thiên tai, chống ngập úng và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Triển khai các nhiệm vụ giảm phát thải khí nhà kính, kiểm kê khí nhà kính và chuẩn bị các điều kiện cần thiết để tham gia thị trường các-bon.

Phát triển kinh tế biển thực hiện lĩnh vực quản lý gắn với bảo vệ môi trường và hệ sinh thái.

V. ĐỊNH HƯỚNG GIAI ĐOẠN 2031-2035 VÀ ĐẾN NĂM 2045

1. Đến năm 2035

Cơ bản hình thành mô hình nông nghiệp sinh thái, công nghệ cao, tuần hoàn, phát thải thấp và có khả năng thích ứng cao với biến đổi khí hậu.

Phát triển mạnh kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh; nâng cao tỷ lệ tái sử dụng, tái chế chất thải và sử dụng hiệu quả tài nguyên.

Tiếp tục hệ thống hạ tầng phòng chống thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu; kiểm soát cơ bản các điểm nóng về ngập úng, ô nhiễm môi trường.

Hình thành các chuỗi giá trị nông nghiệp có khả năng cạnh tranh cao, gắn với chế biến sâu, logistics và thị trường trong nước, quốc tế.

2. Đến năm 2045

Xây dựng ngành nông nghiệp hiện đại, thông minh, sinh thái, có năng suất và giá trị gia tăng cao.

Kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và kinh tế biển phát triển mạnh; hệ thống sản xuất nông nghiệp có khả năng thích ứng và chống chịu cao.

Hệ thống quản trị tài nguyên, môi trường thông minh; AI và các công nghệ tiên tiến được ứng dụng rộng rãi trong giám sát, dự báo và quản lý.

VI. DANH MỤC NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN TRỌNG TÂM

Rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách phát triển nông nghiệp sinh thái, công nghệ cao, tuần hoàn và bảo vệ môi trường.

Nghiên cứu, đề xuất Đề án phát triển nông nghiệp công nghệ cao và nông nghiệp tuần hoàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045.

Chương trình phát triển các chuỗi giá trị nông sản chủ lực gắn với sản xuất, chế biến, bảo quản, logistics, truy xuất nguồn gốc và thị trường tiêu thụ.

Hoàn thiện cơ sở dữ liệu chuyên ngành; triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số, kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của Sở.

Thực hiện các nhiệm vụ quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên nước.

Triển khai các chương trình, nhiệm vụ kiểm soát ô nhiễm, quản lý chất thải và phát triển kinh tế tuần hoàn.

Thực hiện các nhiệm vụ giảm phát thải khí nhà kính, kiểm kê khí nhà kính, thích ứng biến đổi khí hậu và chuẩn bị điều kiện tham gia thị trường các-bon theo quy định.

Nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai, dự báo, cảnh báo, chống ngập úng và quản lý, duy tu, nâng cấp hệ thống thủy lợi, đê điều theo kế hoạch được phê duyệt..

Triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế biển xanh, quản lý bảo vệ tài nguyên và môi trường biển, ven biển thuộc phạm vi quản lý.

Xây dựng, triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, đào tạo nhân lực và ứng dụng công nghệ phục vụ quản lý ngành.

Thực hiện các dự án đầu tư hạ tầng thủy lợi, đê điều, phòng chống thiên tai, xử lý ô nhiễm môi trường và các dự án hạ tầng thiết yếu khác thuộc lĩnh vực quản lý của Sở.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực phụ trách; xác định rõ sản phẩm, tiến độ và nhu cầu nguồn lực; hoặc đột xuất báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

Giao phòng Kế hoạch - Tài chính chủ trì theo dõi, đôn đốc, tổng hợp kết quả, tổng hợp khó khăn vướng mắc kịp thời báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường điều chỉnh hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét bổ sung, sửa đổi phù hợp với tình hình thực tế. Tổng hợp danh mục nhiệm vụ, đề án, dự án, tham mưu lồng ghép các nhiệm vụ vào chương trình công tác, kế hoạch phát triển ngành, kế hoạch đầu tư công hàng năm.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về đổi mới mô hình phát triển Việt Nam; Chương trình hành động số 33-CTr/TW ngày 28/7/2026 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 217/NQ-CP ngày 06/8/2026 của Chính phủ; Kế hoạch số 115-KH/TU ngày 27/9/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hưng Yên về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW và Chương trình hành động số 33-CTr/TW; Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng để triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- Sở Tài chính;
- Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở;
- Phòng Kế hoạch - Tài chính (để t/h);
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH HƯNG YÊN

Nguyễn Đức Kiền